

### **THƯ MỜI BÁO GIÁ**

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện Giao thông vận tải kính mời Quý nhà thầu gửi báo giá để mua thuốc phục vụ công tác chuyên môn theo nội dung như sau:

1. Thông tin của đơn vị gửi báo giá.

2. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Giao thông vận tải

Địa chỉ: Số 169, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, thành phố Hà Nội.

3. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- Mẫu báo giá (Phụ lục kèm theo)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Chứng chỉ hành nghề của người phụ trách chuyên môn.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc (GDP).
- Hồ sơ sản phẩm, giấy phép lưu hành sản phẩm.
- Giấy ủy quyền phân phối.
- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng cung ứng hàng hóa hoặc hóa đơn bán hàng cho các cơ sở y tế.
- Nhãn thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng.
- Phiếu kiểm nghiệm và các tài liệu khác kèm theo.

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nộp trực tiếp tại Bệnh viện Giao thông vận tải - Số 169, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, thành phố Hà Nội.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước 10 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2025.

*Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.*

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 60 ngày, kể từ hạn cuối cùng của ngày tiếp nhận báo giá.

6. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục thuốc để phục vụ công tác chuyên môn:

| TT | Tên hoạt chất                                                                                                                                    | Nồng độ, hàm lượng                                     | Đường dùng, dạng bào chế | Đơn vị                  | Nhóm thuốc |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------|
| 1  | Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus Sởi sống, giảm độc lực, chủng AIK-C $\geq 1000$ PFU; Virus Rubella sống, giảm độc lực chủng Takahashi $\geq 1000$ PFU | $\geq 1000$ PFU/liều 0,5ml; $\geq 1000$ PFU/liều 0,5ml | Tiêm, Thuốc tiêm         | Chai /Lọ/ Ống/ Túi/ Gói | 4          |

| TT | Tên hoạt chất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đường dùng, dạng bào chế | Đơn vị                       | Nhóm thuốc |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------|------------|
| 2  | Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa:<br>A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238),<br>A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A),<br>B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26),<br>B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) | Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa:<br>A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin,<br>A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin,<br>B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15 mcg haemagglutinin,<br>B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Bơm tiêm /Bút tiêm / Xy lanh | 1          |
| 3  | Vắc xin phòng Viêm gan B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx 20\mu\text{g}/1\text{ml}$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Chai /Lọ/ Ống/ Túi/ Gói      | 4          |
| 4  | Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B                                                                                                                                                                                                                                       | Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Hộp                          | 1          |
| 5  | Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4                                                                                                                                                                                            | 1mcg; 3mcg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Liều                         | 1          |
| 6  | Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F                                                                                                                                              | 0,5ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Bơm tiêm /Bút tiêm / Xy lanh | 1          |

CC  
C  
B  
G  
A  
N



| TT | Tên hoạt chất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đường dùng, dạng bào chế | Đơn vị                       | Nhóm thuốc |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------|------------|
| 7  | Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg | Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Bơm tiêm /Bút tiêm / Xy lanh | 1          |
| 8  | Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tiêm,<br>Thuốc tiêm      | Bơm tiêm /Bút tiêm / Xy lanh | 1          |

7/13  
GT  
PHÂN  
+ VII  
THC  
N 1  
PHO

| TT | Tên hoạt chất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nồng độ, hàm lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đường dùng, dạng bào chế | Đơn vị | Nhóm thuốc |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------|------------|
|    | polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197) | mcg; Huyết thanh tuýp 7F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F<br>polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F<br>mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197) |                          |        |            |

7. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Giao thông vận tải - Số 169, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, thành phố Hà Nội.

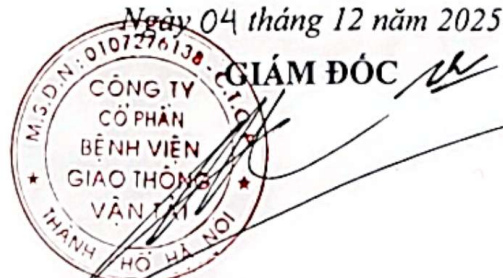
8. Thời gian giao hàng dự kiến: Phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

9. Dự kiến về điều khoản thanh toán hợp đồng: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng, bàn giao đủ hồ sơ.

Nơi nhận:

- Như trên./.

- Lưu: Được



TS.BS. Bùi Sỹ Tuấn Anh